

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 4037
	Giờ: Ngày 11 tháng 2 năm 11

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,124,249,336,782</b>	<b>785,719,874,823</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>112,040,229,173</b>	<b>128,714,275,030</b>
1. Tiền	111		89,040,229,173	128,714,275,030
2. Các khoản tương đương tiền	112		23,000,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>107,562,600,555</b>	<b>39,200,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	107,562,600,555	39,200,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>495,422,951,613</b>	<b>346,212,284,695</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	466,937,831,347	304,440,307,151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	10,034,420,550	37,848,034,095
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	18,450,699,716	3,923,943,449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>381,777,652,561</b>	<b>254,289,572,493</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	406,515,398,277	275,111,439,909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(24,737,745,716)	(20,821,867,416)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,445,902,880</b>	<b>17,303,742,605</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	773,299,178	195,920,040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14,978,563,954	7,640,738,463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	530,658,754	1,535,840,479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	11,163,380,994	7,931,243,623

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>466,625,501,037</b>	<b>433,143,921,012</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>382,088,411,746</b>	<b>354,143,603,975</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	316,601,562,859	312,661,802,264
<i>Nguyên giá</i>	222		470,182,103,788	415,526,757,562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(153,580,540,929)	(102,864,955,298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	37,878,432,783	24,503,311,419
<i>Nguyên giá</i>	228		38,798,741,240	25,131,041,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(920,308,457)	(627,729,821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	27,608,416,104	16,978,490,292
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60,655,242,690</b>	<b>60,665,242,690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23,881,846,601</b>	<b>18,335,074,347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	23,039,953,001	17,371,534,747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	841,893,600	963,539,600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,590,874,837,819</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>712,548,137,529</b>	<b>603,832,177,186</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>687,121,439,912</b>	<b>458,981,584,813</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	249,283,832,136	306,486,178,450
2. Phải trả người bán	312	V.18	162,904,814,613	103,544,659,164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	579,192,137	1,195,341,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	22,410,656,732	13,998,180,564
5. Phải trả người lao động	315	V.21	26,485,721,594	20,260,469,687
6. Chi phí phải trả	316	V.22	37,097,710,000	677,969,109
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	168,618,635,908	4,137,963,977
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	19,740,876,792	8,680,822,348
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>25,426,697,617</b>	<b>144,850,592,373</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	23,627,560,693	143,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1,799,136,924	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>878,326,700,290</b>	<b>615,031,618,649</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>878,326,700,290</b>	<b>615,031,618,649</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471,512,730,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(32,725,310,618)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	(10,407,540,519)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	258,138,821,427	196,903,618,649
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí để hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,590,874,837,819</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		4,215,390.61	3,138,850.66
Euro (EUR)		426.42	420.74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BAO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
QUÝ IV/2010

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	QUÝ IV		Đơn vị tính: VND		
		Năm 2010	Năm 2009			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	731,981,052,514	512,665,642,938	2,770,379,049,451	2,330,809,165,109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	1,151,392,211	620,550,668	12,480,127,012	14,271,126,710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	730,829,660,303	512,045,092,270	2,757,898,922,439	2,316,538,038,399
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	627,120,830,871	439,776,392,809	2,304,561,853,377	1,965,240,863,770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VL.3	103,708,829,432	72,268,699,461	453,337,069,062	351,297,174,629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	16,706,319,056	14,523,150,870	58,605,997,611	61,095,186,335
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	13,373,353,039	20,685,882,999	47,324,581,902	58,310,569,853
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,405,871,470	8,404,376,221	22,863,630,847	37,795,085,055
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	56,942,448,775	42,287,072,496	212,260,182,821	156,255,794,906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	4,790,164,257	3,634,249,525	23,282,976,356	19,827,879,129
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45,309,182,417	61,636,411,309	229,075,325,594	177,998,117,076
11. Thu nhập khác	31	VL.7	1,243,559,642	538,205,380	2,665,757,160	685,861,648
12. Chi phí khác	32	VL.8	31,362,664	14,508,897	112,295,854	3,728,066,986
13. Lợi nhuận khác	40		1,212,196,978	523,696,483	2,553,461,306	(3,042,205,338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46,521,379,395	62,160,107,792	231,628,786,900	174,955,911,738
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	7,631,085,685	6,760,331,580	38,218,749,839	22,551,744,132
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38,890,293,710	55,399,776,212	193,410,037,061	152,404,167,606
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9				

*(Signature)*  
Nguyễn Thị Kim Bảo  
Kế toán trưởng



*(Signature)*  
Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		231,628,786,900	174,955,911,738
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	51,008,164,267	48,486,065,822
- Các khoản dự phòng	03	V.7	3,915,878,300	(1,809,644,560)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	11,773,523,512
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(12,928,019,519)	(15,682,540,716)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22,863,630,847	37,795,085,055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		296,488,440,795	255,518,400,844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(175,287,150,646)	(11,093,951,381)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(131,403,958,368)	2,015,365,320
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		275,554,122,428	6,753,733,684
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6,245,797,392)	(5,114,015,655)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(23,147,350,094)	(39,891,126,640)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(28,213,699,318)	(13,848,004,607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.24	586,757,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	(5,052,737,001)	(2,547,589,409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>203,278,627,404</b>	<b>191,792,812,156</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(79,422,235,875)	(53,084,975,334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(243,952,256,415)	(344,004,060,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	175,589,655,860	372,864,060,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4,618,380,500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	12,928,019,519	19,358,261,240
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(134,846,816,911)</b>	<b>(9,455,094,594)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	126,960,000,000	118,128,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(32,725,310,618)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.25	700,608,242,851	1,963,783,590,109
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.25	(877,528,598,591)	(2,097,747,306,250)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(25,850,000)	(45,013,500,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(82,711,516,358)</b>	<b>(60,848,416,141)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(14,279,705,865)</b>	<b>121,488,301,421</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>128,714,275,030</b>	<b>8,902,571,307</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(2,394,339,992)</b>	<b>(1,676,597,698)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>112,040,229,173</b>	<b>128,714,275,030</b>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV năm 2010

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

---

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

I



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn tính khấu hao theo thời gian giao đất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.

Cụ thể như sau:  
 theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.  
 Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ  
 Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại sản thuê thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi lại và nộp thuế thu nhập hoãn lại dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ khi liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập hoãn lại được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí ghi sổ của tài sản thuê thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức làm bão chắc chắn có đủ lợi nhuận tiềm ẩn cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuê thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập hoãn lại được sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị định cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tiềm ẩn để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập hoãn lại được sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp  
 Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

- Thuế dự vốn có phần: chênh lệch do phải hành có phần cao hơn mệnh giá.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Nguồn vốn kinh doanh  
 Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**  
 Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng đề qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

31/12/2010 : 18.932 VND/USD

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.355.536.816	1.883.160.248
Tiền gửi ngân hàng	83.684.692.357	126.831.114.782
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	23.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>112.040.229.173</u></b>	<b><u>128.714.275.030</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	70.000.000.000	26.700.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.365.344.140	12.500.000.000
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	32.197.256.415	-
<b>Cộng</b>	<b><u>107.562.600.555</u></b>	<b><u>39.200.000.000</u></b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

5

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Khách hàng trong nước	20.455.771.931	8.732.417.595
Các Khách hàng nước ngoài	446.482.059.416	295.707.889.556
<b>Cộng</b>	<b>466.937.831.347</b>	<b>304.440.307.151</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	6.962.322.153	32.138.989.718
Các Nhà cung cấp nước ngoài	3.072.098.397	5.709.044.377
<b>Cộng</b>	<b>10.034.420.550</b>	<b>37.848.034.095</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 – thu hộ tiền hàng	18.212.538.116	2.827.175.256
Phải thu khác	238.161.600	1.096.768.193
<b>Cộng</b>	<b>18.450.699.716</b>	<b>3.923.943.449</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu sản xuất thức ăn viên, vật liệu khác	108.840.924.257	15.659.170.057
Công cụ, dụng cụ	2.365.037.908	1.895.684.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	217.296.117.748	118.544.963.947
Thành phẩm	77.790.703.447	139.007.843.625
Hàng hóa	222.614.917	3.777.669
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>406.515.398.277</b>	<b>275.111.439.909</b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho***Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

Số đầu năm	20.821.867.416
Tăng trong năm	3.915.878.300
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.737.745.716</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Công cụ, dụng cụ</u>
Số đầu năm	195.920.040
Tăng trong kỳ	1.775.205.446
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.197.826.308)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>773.299.178</b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.817.872

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

6

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	530.658.754	1.496.022.607
<b>Cộng</b>	<b>530.658.754</b>	<b>1.535.840.479</b>

10. **Tài sản ngắn hạn khác**  
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên

11. **Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	134.754.727.572	274.910.684.753	5.007.619.767	853.725.470	415.526.757.562
Mua sắm mới	4.034.400.000	1.152.510.900	930.363.636	-	6.117.274.536
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.739.313.962	26.798.757.728	-	-	48.538.071.690
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>160.528.441.534</b>	<b>302.861.953.381</b>	<b>5.937.983.403</b>	<b>853.725.470</b>	<b>470.182.103.788</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.767.045.947	86.559.743.756	2.071.341.836	466.823.759	102.864.955.298
Khấu hao trong kỳ	9.818.695.796	39.893.205.980	828.061.328	175.622.527	50.715.585.631
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.585.741.743</b>	<b>126.452.949.736</b>	<b>2.899.403.164</b>	<b>642.446.286</b>	<b>153.580.540.929</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	120.987.681.625	188.350.940.997	2.936.277.931	386.901.711	312.661.802.264
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>136.942.699.791</b>	<b>176.409.003.645</b>	<b>3.038.580.239</b>	<b>211.279.184</b>	<b>316.601.562.859</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

12. **Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	24.590.811.450	540.229.790	25.131.041.240
Mua trong kỳ	13.667.700.000	-	13.667.700.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.258.511.450</b>	<b>540.229.790</b>	<b>38.798.741.240</b>

*Trong đó:*  
Đã khấu hao hết nhưng  
vẫn còn sử dụng  
**Giá trị hao mòn**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	297.263.139	330.466.682	627.729.821
Khấu hao trong kỳ	209.832.804	82.745.832	292.578.636
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>507.095.943</b>	<b>413.212.514</b>	<b>920.308.457</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	24.293.548.311	209.763.108	24.503.311.419
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>37.751.415.507</b>	<b>127.017.276</b>	<b>37.878.432.783</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	45.109.308.853	(43.416.732.874)	15.757.927.169
Công trình nhà xưởng số 2	-	932.070.216	-	932.070.216
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	-	-	1.920.571.250
Xây dựng trạm xá	-	259.063.906	-	259.063.906
Chi phí đào nuôi cá	992.567.852	12.867.554.527	(5.121.338.816)	8.738.783.563
<b>Cộng</b>	<b>16.978.490.292</b>	<b>59.167.997.502</b>	<b>(48.538.071.690)</b>	<b>27.608.416.104</b>

**14. Đầu tư vào công ty con**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	5.200.300	52.003.709.506	5.200.300	52.003.709.506
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	-	8.651.533.184	-	8.651.533.184
<b>Cộng</b>		<b>60.655.242.690</b>		<b>60.655.242.690</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	17.371.534.747
Phát sinh trong năm	11.792.256.353
Kết chuyển trong năm	(6.123.838.099)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.039.953.001</b>

**16. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	249.283.832.136	276.252.854.450
Vay dài hạn đến hạn trả	-	30.233.324.000
<b>Cộng</b>	<b>249.283.832.136</b>	<b>306.486.178.450</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.252.854.450	693.669.808.851	(720.162.282.591)	(476.548.574)	249.283.832.136
Vay dài hạn đến hạn trả	30.233.324.000	0	(30.233.324.000)		0
<b>Cộng</b>	<b>306.486.178.450</b>	<b>693.669.808.851</b>	<b>(750.395.606.591)</b>	<b>(476.548.574)</b>	<b>249.283.832.136</b>

**18. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Nhà cung cấp trong nước	133.768.408.076	102.545.895.714
Các Nhà cung cấp nước ngoài	29.136.406.537	998.763.450
<b>Cộng</b>	<b>162.904.814.613</b>	<b>103.544.659.164</b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Khách hàng trong nước	313.667.050	1.020.027.068
Các Khách hàng ngoài nước	265.525.087	175.314.446
<b>Cộng</b>	<b>579.192.137</b>	<b>1.195.341.514</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(39.817.872)	12.867.678.855	(12.827.860.983)	-
Thuế xuất, nhập khẩu(*)	(1.496.022.607)	1.295.392.089	(330.028.236)	(530.658.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.921.511.114	36.634.819.677	(28.213.699.318)	22.342.631.473
Thuế thu nhập cá nhân	76.669.450	637.121.119	(645.765.310)	68.025.259
Tiền thuế đất		627.573.749	(627.573.749)	-
Các loại thuế khác	-	137.726.200	(137.726.200)	-
<b>Cộng</b>	<b>12.462.340.085</b>	<b>52.200.311.689</b>	<b>(42.782.653.796)</b>	<b>21.879.997.978</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.9).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.13

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 9 và khoản lương trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	283.719.247
Chi phí khác	37.097.710.000	394.249.862
<b>Cộng</b>	<b><u>37.097.710.000</u></b>	<b><u>677.969.109</u></b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.693.839.082	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	535.524.549	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	8.525.157	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Phải trả tiền hàng xuất khẩu Ủy Thác	164.982.218.437	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.353.128.683	2.293.093.013
<b>Cộng</b>	<b><u>168.618.635.908</u></b>	<b><u>4.137.963.977</u></b>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Tặng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	7.215.500.614	11.661.453.175	850.000	(2.817.850.000)	16.059.953.789
Quỹ phúc lợi	1.465.321.734	3.864.581.270	585.907.000	(2.234.887.001)	3.680.923.003
<b>Cộng</b>	<b><u>8.680.822.348</u></b>	<b><u>15.526.034.445</u></b>	<b><u>586.757.000</u></b>	<b><u>(5.052.737.001)</u></b>	<b><u>19.740.876.792</u></b>

**25. Vay và nợ dài hạn****Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Từ 1 năm trở xuống

Trên 5 năm

Tổng nợ

23.627.560.693

**23.627.560.693****Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:**

Số đầu năm

Số tiền vay phát sinh trong kỳ

Chênh lệch tỷ giá

Số tiền vay đã trả trong năm

Số cuối kỳ

143.822.118.693

738.738.000

6.199.696.000

(127.132.992.000)

**23.627.560.693**

Báo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	1.064.470.244
Số chi trong kỳ	<u>(293.807.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.799.136.924</u>

**27. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hoái đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	-	-	102.360.211.761	402.360.211.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	152.404.167.606	152.404.167.606
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(7.492.895.079)	(7.492.895.079)
Phát hành cổ phiếu	25.680.000.000	92.448.000.000	-	-	-	118.128.000.000
Chi cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	-	-	(84.750.000)	(84.750.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>325.680.000.000</b>	<b>92.448.000.000</b>	-	-	<b>196.903.618.649</b>	<b>615.031.618.649</b>
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	193.410.037.061	193.410.037.061
Giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	-	1.583.930.162	1.583.930.162
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	-	(9.422.100.000)	-
Phát hành cổ phiếu	136.410.630.000	99.360.000.000	-	-	(108.810.630.000)	126.960.000.000
Giảm vốn mua cổ phiếu quỹ	-	-	(32.725.310.618)	-	-	(32.725.310.618)
Các khoản khác	-	-	-	(10.407.540.519)	-	(10.407.540.519)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>191.808.000.000</b>	<b>(32.725.310.618)</b>	<b>(10.407.540.519)</b>	<b>258.138.821.427</b>	<b>878.326.700.290</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

11

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<b>Cộng</b>	<b>25.850.000</b>	
<b>Cổ phiếu</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	47.151.273	32.568.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.052.920	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.098.353	32.568.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.098.353	32.568.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.770.379.049.451	2.330.809.165.109
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	518.807.384.355	331.484.336.856
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.865.840.221.811	1.738.469.915.533
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	5.110.963.591	3.565.007.861
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	351.896.190.031	251.450.351.262
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	28.724.289.663	5.839.553.597
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.480.127.012)	(14.271.126.710)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(632.764.744)	(463.021.060)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(11.847.362.268)	(13.806.105.650)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.757.898.922.439</b>	<b>2.316.538.038.399</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	515.164.226.383	329.615.227.956
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.857.003.252.771	1.728.309.068.803
- <i>Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu</i>	5.110.963.591	3.565.007.861
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	351.896.190.031	249.209.180.182
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	28.724.289.663	5.839.553.597

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

12

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	470.700.551.590	315.166.983.678
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.486.976.375.910	1.414.785.067.707
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	5.780.188.990	3.382.926.877
Giá vốn phế phẩm	337.188.858.587	229.643.753.675
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.915.878.300	2.262.131.833
<b>Cộng</b>	<b>2.304.561.853.377</b>	<b>1.965.240.863.770</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.005.813.255	5.211.647.010
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	450.263.379	227.334.524
Lãi cho vay	6.922.206.264	5.220.535.767
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.894.152.247	4.559.691.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia		8.926.078.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		8.166.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.333.562.466	36.941.733.516
<b>Cộng</b>	<b>58.605.997.611</b>	<b>61.095.186.335</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.863.630.847	37.795.085.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		11.781.689.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.460.951.055	8.733.795.284
<b>Cộng</b>	<b>47.324.581.902</b>	<b>58.310.569.853</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.387.496.983	3.213.176.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.720.919	18.159.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.980.984	46.980.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.223.522.210	111.764.441.316
Chi phí khác	67.551.461.725	41.213.037.001
<b>Cộng</b>	<b>212.260.182.821</b>	<b>156.255.794.906</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.398.946.864	7.039.507.141
Chi phí đồ dùng văn phòng	916.489.754	687.926.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.737.598.237	1.107.150.000
Thuế, phí và lệ phí	1.321.803.685	464.552.854

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	876.162.629	1.087.823.203
Chi phí khác	10.031.975.187	9.440.919.048
<b>Cộng</b>	<b>23.282.976.356</b>	<b>19.827.879.129</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		30.000.000
Thu nhập khác ( tiền chiết khấu, tiền bồi thường thiếu hàng, ...)	2.665.757.160	655.861.648
<b>Cộng</b>	<b>2.665.757.160</b>	<b>685.861.648</b>

**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý		3.705.720.524
Chi phí khác ( tiền phạt ...)	112.295.854	22.346.462
<b>Cộng</b>	<b>112.295.854</b>	<b>3.728.066.986</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty có các giao dịch không bằng tiền như sau:

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 118.232.730.000 VND.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
<b>Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	
Bán hàng hóa	412.558.926
Mua nguyên liệu	17.269.270.350
<b>Các cá nhân có liên quan</b>	
Bán hàng hóa	633.862.000
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	19.770.975.350

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	5.613.467.744	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	93.385.000	258.842.500
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>5.706.852.744</b>	<b>1.732.656.481</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I</b>	
Mua hàng hóa, dịch vụ	701.483.786.019
Cho vay ngắn hạn	209.255.000.000
Thu lãi cho vay ngắn hạn	5.186.962.791
Bán hàng hóa, dịch vụ	249.452.266.260
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>	
Bán thành phẩm, hàng hóa	864.087.350.685
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhân UT XK	432.029.882.359
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	30.826.432.548
<b>Cty TNHH MTV CB TS XK Vạn Đức TG</b>	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhân UT XK	163.967.679.418
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	15.903.485.720

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I</b>		
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	70.000.000.000	26.700.000.000
Phí nhập khẩu ủy thác		2.069.719.970
Ứng trước tiền hàng		21.936.004.670
Phải thu tiền thu hộ	18.212.538.116	2.827.175.256
<b>Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Phải thu tiền hàng	317.540.388.928	153.669.204.974
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải thu tiền hàng	879.294.941	-
<b>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền hàng	5.343.401.273	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>411.975.623.258</b>	<b>207.202.104.870</b>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	105.182.080.412	-
Phải trả tiền thu hộ thức ăn viên	-	181.872.513
<i>Công ty TNHH Vinh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải trả khác	128.737.600	-
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, tiền hàng XK UT	65.161.572.388	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, tiền hàng XK UT	99.820.646.049	1.281.184.200
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>270.293.036.449</b>	<b>24.274.857.221</b>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

16